

# THÁI ĐỘ CỦA NGƯỜI DÂN HÀ NỘI VỀ GIỚI TÍNH CỦA CON CÁI TRONG GIA ĐÌNH

Nguyễn Thị Phương Hoa

*Viện Tâm lý học*

Gần đây dân số nước ta gia tăng một cách đột biến. Nguyên nhân của tình trạng này có rất nhiều, trong đó có nguyên nhân tâm lý. Một trong số các nguyên nhân tâm lý là thái độ về giới tính của con cái trong gia đình.

Chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu trên 219 người dân Hà Nội. Tuổi trung bình của nhóm khách thể là 32.3. Trong đó nữ chiếm 62.6%, nam chiếm 37.4%. Nghề nghiệp của những người được hỏi phân bố ở các nghề như nhân viên văn phòng, giáo viên, nghiên cứu viên, lực lượng vũ trang, công nhân, buôn bán dịch vụ, sinh viên, nội trợ, hưu trí, tự do. Trình độ học vấn của họ cũng khá cao, tỉ lệ người có trình độ đại học và sau đại học là 54.8%, trung cấp, cao đẳng là 27.6%, cấp III là 13.3%, cấp I, II chỉ có 4.3%. 72.4% trong số đó đã lập gia đình, 27.6% chưa lập gia đình.

Thái độ về giới tính (TĐVGT) của con cái trong gia đình thể hiện ở việc mong muốn sinh con trai hay con gái là chính, hay sinh cả con trai con gái. Thái độ này được chúng tôi phân ra ba nhóm: Nhóm 1 là nhóm không quan tâm về vấn đề giới tính của con trong gia đình - "Con nào cũng là con". Có thể nói rằng đây là nhóm có thái độ tích cực theo hướng xã hội mong muốn. Nhóm này chiếm 17.8% tổng số người được hỏi. Nhóm 2 là nhóm trung lập, không tỏ rõ thái độ về vấn đề giới tính của con. Nhóm này chiếm tỉ lệ cao nhất 68.2%. Nhóm 3 là nhóm có thái độ tiêu cực tức là quá quan tâm tới vấn đề giới tính của con, cụ thể mong muốn trong gia đình phải có nếp có tẻ, có con trai để nối dõi tông đường. Nhóm này chiếm 13.2%. Điều này chứng tỏ tâm lý muốn có nếp có tẻ, có con trai để nối dõi tông đường vẫn tồn tại ở một bộ phận không nhỏ người dân Hà Nội, cho dù trình độ học vấn của họ khá cao, điều kiện tiếp xúc với các phương tiện thông tin đại chúng khá thuận lợi.

Mặc dù sự khác biệt về TĐVGT giữa những người có trình độ học vấn khác nhau chưa có ý nghĩa về mặt thống kê, nhưng chúng ta có thể thấy những người có trình độ học vấn cao ít có thái độ tích cực hơn những người có trình độ học vấn thấp hơn (xem bảng 1). Điều này mới nghe tưởng chừng có mâu thuẫn, nhưng cũng không phải là vô lý. Bởi lẽ, người có học vấn cao có thể có nhận thức tốt hơn, nhưng chưa đủ

sức đảm bảo rằng thái độ cũng tốt hơn. Thái độ cần phải có thời gian để thay đổi. Cũng có thể, chính sách dân số của nước ta chưa thực sự thuyết phục họ.

*Bảng 1: TĐVGT của những nhóm khách thể có học vấn khác nhau (Tỷ lệ %)*

| <div>Hành vi</div> <div>Trình độ</div> | Tiêu cực | Trung lập | Tích cực | Tổng |
|----------------------------------------|----------|-----------|----------|------|
| Cấp I, II                              | 11.1     | 66.7      | 22.2     | 100  |
| Cấp III                                | 7.1      | 64.3      | 28.6     | 100  |
| Trung cấp, CĐ                          | 12.1     | 75.9      | 12.1     | 100  |
| ĐH & SĐH                               | 15.7     | 67.8      | 16.5     | 100  |
| Tổng                                   | 13.2     | 68.9      | 17.8     | 100  |

Về vấn đề giới tính của con cái, thái độ của nam và nữ có sự khác nhau (xem bảng 2). Nam tỏ thái độ rõ hơn nữ, nữ giữ thái độ trung lập chiếm tỉ lệ khá lớn 75.2% trên tổng số nữ. Tỉ lệ nam giữ thái độ trung lập trong tổng số nam thấp hơn nữ (58.5%), phần còn lại phân bố tương đối đều nhưng cả hai mặt tích cực hoặc tiêu cực. Trong khi một số nam giới không còn tư tưởng nhất thiết phải sinh con trai, ngược lại vẫn còn một số người luôn mong muốn có con trai hay có nếp có tẻ cho gia đình vui vẻ. Tuy nhiên, nam có thái độ tích cực chiếm tỉ lệ cao hơn nữ (22/ 100 với 15.3/ 100).

*Bảng 2: So sánh TĐVGT của nam và nữ (Tỷ lệ %)*

| <div>Thái độ</div> <div>Giới</div> | Tiêu cực | Trung lập | Tích cực | Σ   |
|------------------------------------|----------|-----------|----------|-----|
| Nam                                | 19.5     | 58.5      | 22.0     | 100 |
| Nữ                                 | 9.5      | 75.2      | 15.3     | 100 |

$p < 0.05$

Ngày nay, chuyện có sinh được con trai hay không không còn là mối bận tâm lớn của nhiều người chồng. Nhưng chính người vợ lại quá lo lắng về chuyện phải sinh cho gia đình chồng con trai, đặc biệt là trong những gia đình mà chồng là con một. Họ thường cho rằng: Dù không nói ra nhưng người đàn ông rất thích có con trai. Nhưng theo lời anh T., 30 tuổi, đã lập gia đình, có 1 con trai: “Chính phụ nữ mới là người hay lo lắng về chuyện sinh được con trai”. Quả thực, số liệu chúng tôi thu được đã chứng minh điều anh T. nói (xem bảng 3). Tỉ lệ nam giới nhận định ý kiến “Nếu sinh được cả con trai lẫn con gái, người đàn ông có thể hãnh diện hơn với bạn bè” là hoàn toàn sai chiếm tỉ lệ cao hơn hẳn so với nữ. Chị C., 28 tuổi, có chồng là con một, con đầu lòng là con gái, tâm sự rằng: Chị cảm thấy một sức ép rất mạnh mẽ trong việc sinh đứa thứ hai - phải sinh được một cậu con trai. Có vậy chị mới cảm thấy yên tâm vì coi như là mình đã hoàn thành trách nhiệm với nhà chồng. Nhiều phụ nữ khác cũng chỉ cảm thấy vị thế của mình trong gia đình nhà chồng vững chắc hơn khi mình đã sinh được một cậu con trai. Chính vì vậy, phụ nữ cũng là người dễ buồn vì chuyện sinh con “một bề” hơn nam giới (xem bảng 4).

**Bảng 3:** So sánh nhận định của nam và nữ trước ý kiến “Nếu sinh được cả con trai lẫn con gái, người đàn ông có thể hạnh diện hơn với bạn bè” (Tỷ lệ %)

| Giới<br>Ý kiến | Hoàn toàn<br>không đúng | Đúng một<br>phần | Khó xác<br>định | Nhìn chung<br>là đúng | Hoàn toàn<br>đúng | Tổng |
|----------------|-------------------------|------------------|-----------------|-----------------------|-------------------|------|
| Nam            | 18.3                    | 26.8             | 8.5             | 15.9                  | 30.5              | 100  |
| Nữ             | 6.6                     | 21.9             | 6.6             | 32.1                  | 32.8              | 100  |

$p < 0.05$

**Bảng 4:** So sánh nhận định của nam và nữ trước ý kiến “Trong gia đình sinh con một bé, chắc chắn vợ chồng có lúc cảm thấy buồn vì chuyện này” (Tỷ lệ %)

| Giới<br>Ý kiến | Hoàn toàn<br>không đúng | Đúng một<br>phần | Khó xác<br>định | Nhìn chung<br>là đúng | Hoàn toàn<br>đúng | Tổng |
|----------------|-------------------------|------------------|-----------------|-----------------------|-------------------|------|
| Nam            | 17.1                    | 25.6             | 19.5            | 18.3                  | 19.5              | 100  |
| Nữ             | 3.7                     | 32.6             | 20.7            | 23.7                  | 19.3              | 100  |

$p < 0.05$

Ngoài ra, một số người vẫn còn có nhận thức sai lầm rằng “Không sinh được con trai là không biết đẻ”. Trong đó, nam chiếm tỉ lệ cao hơn nữ (xem bảng 5). Nữ tỏ ra nhận thức tốt hơn nam về vấn đề này. Tuy nhiên, nhiều người phụ nữ vẫn lo mang tiếng “không biết đẻ”. Sở dĩ như vậy là vì còn nhiều người đàn ông cho rằng giới tính của con là do người phụ nữ quyết định. Mặt khác, khi đẻ được cả trai lẫn gái, người phụ nữ thường được khen là “biết đẻ” hay “đẻ giỏi”. Do đó, nhiều khi chính người phụ nữ tự “khoác lên mình trọng trách”: phải sinh được con trai để chồng và gia đình chồng vui.

**Bảng 5:** So sánh nhận định của nam và nữ trước ý kiến “Không sinh được con trai là không biết đẻ” (Tỷ lệ %)

| Giới<br>Ý kiến | Hoàn toàn<br>không đúng | Đúng một<br>phần | Khó xác<br>định | Nhìn chung<br>là đúng | Hoàn toàn<br>đúng | Tổng |
|----------------|-------------------------|------------------|-----------------|-----------------------|-------------------|------|
| Nam            | 68.5                    | 5.0              | 10.0            | 5.0                   | 11.3              | 100  |
| Nữ             | 85.1                    | 4.5              | 4.5             | 1.5                   | 4.5               | 100  |

$p < 0.05$

Từ thái độ về giới tính của con sẽ dẫn tới một tâm thế sinh đẻ bất lợi cho việc thực hiện chính sách dân số ở nước ta. Khi đưa ra mệnh đề “Nếu chưa có cả con trai, con gái, tôi sẽ sinh nhiều hơn hai con”, có 9.0% người được hỏi cho rằng nhìn chung là đúng, 10.5% cho rằng hoàn toàn đúng, 46.4% người có thái độ tiêu cực trả lời ý kiến đó là hoàn toàn đúng, chiếm tỉ lệ cao nhất (xem bảng 6).

**Bảng 6:** So sánh tâm thế sinh đẻ ở những người có thái độ khác nhau về giới tính của con cái trong gia đình (Tỷ lệ %)

| Giới<br>Thái độ | Hoàn toàn<br>không đúng | Đúng một<br>phần | Khó xác<br>định | Nhìn chung<br>là đúng | Hoàn toàn<br>đúng | Tổng |
|-----------------|-------------------------|------------------|-----------------|-----------------------|-------------------|------|
| Tiêu cực        | 7.1                     | 14.3             | 14.3            | 17.9                  | 46.4              | 100  |
| Trung lập       | 51.7                    | 16.8             | 18.2            | 9.1                   | 4.2               | 100  |
| Tích cực        | 61.5                    | 12.8             | 15.4            | 2.6                   | 7.7               | 100  |
| Tổng            | 47.6                    | 15.7             | 17.1            | 9.0                   | 10.5              | 100  |

$p < 0.001$

Tóm lại, thái độ của người dân Hà Nội về vấn đề giới tính của con cái vẫn chưa thay đổi nhiều. Tâm lý muốn có nếp có tẻ, có con trai để nối dõi tông đường vẫn tồn tại ở một bộ phận không nhỏ người dân Hà Nội. Đó cũng chính là nguyên nhân khiến nhiều người muốn sinh con thứ ba. Khi có điều kiện thuận lợi (có sức khỏe, có kinh tế, điều kiện chăm sóc sức khỏe tốt, việc thực hiện chính sách dân số bùng lỏng...) mong muốn đó sẽ trở thành hành động thực tế, làm dân số gia tăng. Để khắc phục tình trạng này, thiết nghĩ Nhà nước cần phải tiếp tục đẩy mạnh các hình thức tuyên truyền, vận động với những nội dung có sức thuyết phục hơn đối với người dân, đặc biệt là chị em phụ nữ trong việc thực hiện kế hoạch hoá gia đình. Phụ nữ là đối tượng quan trọng của chính sách dân số, vì họ chính là người quyết định có đẻ nữa hay không. Người phụ nữ cần tự giải phóng mình khỏi tư tưởng “phải sinh được con trai”.

Tuy nhiên, đây cũng chỉ là một điều tra nhanh trên một mẫu nhỏ, nên kết quả nghiên cứu còn hạn chế. Chúng tôi mong rằng trong tương lai sẽ tiếp tục thực hiện được những nghiên cứu lớn hơn về vấn đề này.